

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06-7-2020

*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Đỗ Ngọc Cận.

2/. Ông Phan Văn Tạo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Văn Như, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 06/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 248/2019/TLST-HNGĐ ngày 07/10/2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/6/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thảo N, địa chỉ: Số BN Tỉnh Lộ M, ấp AN 1, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Ông Trương Thanh L, địa chỉ: Số MBB/MBA đường P, Khóm M, Phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của bà Huỳnh Thảo N tại phiên tòa:

Bà N và ông Trương Thanh L tự nguyện kết hôn và có đăng ký vào ngày 02/12/2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận kết hôn số MBS, Quyền số I/2014. Trong thời gian chung sống, ông bà có 01 con chung là cháu Trương Kiến V (nam, sinh ngày 04/01/2017), nhưng không có tài sản chung và ai chung.

Sau thời gian chung sống thì bà N và ông L phát sinh mâu thuẫn do ông L không quan tâm, chăm sóc vợ con; vợ chồng thường xuyên cãi vã và đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông L và trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Kèm theo đơn khởi kiện, bà Huỳnh Thảo N đã nộp trích lục khai sinh của cháu Trương Kiến V; Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn của bà N và ông Trương Thanh L.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tại phiên toà: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: Bị đơn không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu mà nguyên đơn đã trình bày và giao nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con và bị đơn cư trú tại thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đương sự này.

[3] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do bà Huỳnh Thảo N cung cấp, căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định:

[3.1] Bà N và ông Trương Thanh L xác lập quan hệ vợ chồng phù hợp quy định về điều kiện và có đăng ký kết hôn ngày 02/12/2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận kết hôn số MBS, Quyển số I/2014 nên hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[3.2] Sau thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã nhau; từ năm 2016 đến nay thì ông bà không còn sống chung, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đây là sự vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, làm cho

hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này.

[4] Đối với yêu cầu nuôi cháu Trương Kiên V (nam, sinh ngày 04/01/2017) của bà N, Hội đồng xét xử thấy rằng bà N có việc làm và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con; từ khi bà N, ông L không còn sống chung đến nay thì cháu V đã sinh sống ổn định với bà N tại số BN Tỉnh Lộ M, ấp AN 1, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng nên Hội đồng xét xử giao cháu cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, do bà N không yêu cầu ông L thực hiện nghĩa vụ này nên không xem xét, giải quyết.

[6] Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Huỳnh Thảo N tự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[8] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[9] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thảo N được ly hôn với ông Trương Thanh L.

2/. Về con chung:

Ông Trương Thanh L có trách nhiệm giao cháu Trương Kiên V (nam, sinh ngày 04/01/2017) cho bà Huỳnh Thảo N trực tiếp nuôi dưỡng; Ông Trương Thanh L không phải cấp dưỡng nuôi cháu Trương Kiên V.

Ông Trương Thanh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Trương Kiên V theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

3/. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Huỳnh Thảo N tự khai không có nên không giải quyết.

4/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thảo N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0009461 ngày 24/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; bà Huỳnh Thảo N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5/. Bà Huỳnh Thảo N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; ông Trương Thanh L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- TAND T. Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vĩnh Khương